**PHỤ LỤC VIII**

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO*(Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……… | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**BÁO CÁO**

**Về hoạt động quản trị rủi ro  
(6 tháng, năm)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**Người đại diện theo pháp luật của công ty**

Họ và tên:                               Điện thoại:                              Email:

**Lãnh đạo phụ trách quản trị rủi ro:**

Họ và tên:                               Điện thoại:                              Email:

**I. Thông tin về hoạt động quản trị, điều hành của công ty**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục** | **Mô tả** |
|  | *Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát* |  |
| 1 | Thông tin về cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; quá trình công tác, số năm kinh nghiệm trong hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán của từng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;  Tiêu chuẩn, điều kiện của chủ tịch và thành viên hội đồng quản trị/hội đồng thành viên | Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên; vị trí công tác hoặc chức năng nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (số năm giữ các vị trí thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, ban điều hành); kết quả thực hiện (thành tích/vi phạm) tại các tổ chức đó;  Liệt kê tiêu chuẩn, điều kiện |
| Thông tin về các thay đổi nhân sự cấp cao 03 năm gần nhất trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban điều hành, trưởng các phòng ban | Tỷ lệ thay đổi bình quân trong 03 năm gần nhất của số nhân sự thay đổi trong năm (kỳ báo cáo)/số nhân sự đầu năm (đầu kỳ báo cáo) |
|  | Thông tin về các quy chế hoạt động nội bộ của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và ban điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và các quy chế cần thiết khác cho hoạt động của công ty | Liệt kê văn bản ban hành (số, ngày/tháng/năm) kèm theo mô tả sơ bộ về nội dung văn bản *(các quy chế nội bộ, các quy trình nghiệp vụ bao gồm quy trình phân bổ tài sản, quy trình quản lý danh mục đầu tư, quy trình quản lý quỹ…)* |
|  | Thông tin về các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát (nếu có) | Nêu chi tiết thời điểm thực hiện, số người tham gia/trên tổng số người được tham gia; các nội dung lấy ý kiến và tỷ lệ biểu quyết thông qua từng nội dung |
|  | Các phát hiện trong kỳ báo cáo của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan đến:  - Vi phạm các quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ công ty; vi phạm các quy định của pháp luật doanh nghiệp về nghĩa vụ người quản lý, không thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ, trách nhiệm của mình, vượt quá thẩm quyền trong việc quản trị, kiểm soát, điều hành công ty; vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu;  - Cho phép công ty thực hiện các nghiệp vụ, cung cấp các sản phẩm chưa được pháp luật cho phép thực hiện hoặc chưa được hướng dẫn thực hiện;  - Không công khai các lợi ích liên quan hoặc cho phép thực hiện các hợp đồng, giao dịch mà chua được phê duyệt, chấp thuận của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông mà lẽ ra phải được phê duyệt, chấp thuận của các tổ chức này | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, giải quyết, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| 2 | *Công tác kiểm toán nội bộ* |  |
| Cơ cấu bộ phận kiểm toán nội bộ | Danh sách nhân viên của bộ phận kiểm toán nội bộ hoặc bộ phận thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; vị trí công tác hoặc chức năng nhiệm vụ; số năm kinh nghiệm làm việc tại cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán nhà nước; kết quả thực hiện (thành tích,vi phạm) tại các tổ chức đó |
| Quy trình kiểm toán nội bộ | Gửi kèm |
| Các phát hiện liên quan đến kiểm toán nội bộ, và/hoặc nhân viên kiểm toán nội bộ | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, giải quyết, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| 3 | *Công tác kiểm soát nội bộ* |  |
| Cơ cấu bộ phận kiểm soát nội bộ | Danh sách nhân viên bộ phận kiểm soát nội bộ; vị trí công tác hoặc chức năng nhiệm vụ; số năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, tổ chức kiểm toán, kế toán, luật, hoặc cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán; kết quả thực hiện (thành tích, vi phạm) tại các tổ chức đó |
| Quy trình kiểm soát nội bộ | Gửi kèm |
| Các giao dịch (số lượng, giá trị) cá nhân giữa nhân viên công ty với các quỹ, khách hàng công ty quản lý | Liệt kê |
| Các phát hiện trong kỳ báo cáo liên quan đến kiểm soát nội bộ, nhân viên kiểm soát nội bộ | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, giải quyết, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| 4 | *Cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn* |  |
| Thông tin về cơ cấu cổ đông, thành viên góp vốn | Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn; tỷ lệ sở hữu; lĩnh vực kinh doanh của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức góp vốn, kinh nghiệm chuyên môn của cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân |
| Các phát hiện trong kỳ báo cáo của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan đến:  - Vi phạm về quan hệ sở hữu chéo, nguồn vốn góp, vượt giới hạn sở hữu, thực hiện các giao dịch chưa được chấp thuận theo quy định tại điều lệ, hoặc quy định của pháp luật  - Vi phạm về quản lý số cổ đông; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với cổ đông/thành viên góp vốn; tổ chức họp đại hội đồng cổ đông (trình tự, thủ tục tổ chức, biên bản, nghị quyết...) | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| 5 | *Đoàn kết nội bộ* |  |
| Liệt kê các tranh chấp; tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ trong việc ra quyết định giữa Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, ban điều hành, các bộ phận khác | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| 6 | *Ban điều hành và hoạt động quản lý điều hành* |  |
| Cơ cấu Ban điều hành;  Mô tả công việc cụ thể, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý, điều hành và trong hoạt động nghiệp vụ chứng khoán của từng thành viên | Liệt kê danh sách thành viên Ban điều hành, chức năng nhiệm vụ, loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán (số năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: môi giới, phân tích và tư vấn, đầu tư, quản lý tài sản), kết quả thực hiện (thành tích, vi phạm) tại các tổ chức này |
| Cơ cấu tổ chức của công ty;  Mô tả công việc, nhân sự của từng bộ phận | Liệt kê các bộ phận, danh sách nhân viên, loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (nếu có), vị trí công tác |
| Các phát hiện trong kỳ báo cáo của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan đến:  - Ban điều hành, người điều hành quỹ, các trưởng bộ phận, nhân viên công ty chưa làm hết trách nhiệm, không tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán (bao gồm cả các quy định của pháp luật doanh nghiệp về nghĩa vụ người quản lý), các quy trình nghiệp vụ, quy chế, quy định tại điều lệ công ty  - Vi phạm quy định của nhà nước về kế toán, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; không bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các bảo hiểm khác; vi phạm các quy định của pháp luật khác | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| 7 | *Hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh* |  |
| Các sản phẩm cung cấp (quỹ mở, quỹ đóng, quỹ bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục, danh mục đầu tư.,.) | Liệt kê số lượng quỹ, loại hình quỹ, mục tiêu đầu tư; số lượng hợp đồng quản lý đầu tư, số lượng và loại khách hàng ủy thác (giá trị vốn huy động/giá trị tài sản ròng đang quản lý của từng tổ chức, cá nhân). |
| Hoạt động đầu tư dài hạn | Liệt kê các hạng mục đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, và đầu tư tài chính dài hạn khác, chi tiết theo ngành nghề kinh doanh và tổng giá trị đầu tư |
| Các phát hiện trong kỳ báo cáo của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan đến:  - Vi phạm quy định của pháp luật về quản lý tài chính công ty như vay vốn để đầu tư tài chính; cho vay, giao vốn của công ty cho người có liên quan và các tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức; đầu tư vào bất động sản không đúng mục đích theo quy định  - Nhân viên công ty vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật chứng khoán về hạn chế xung đột lợi ích  - Vi phạm quy định về công bố thông tin  - Vi phạm quy định của pháp luật về tỷ lệ đầu tư; loại hình tài sản đầu tư; đầu tư vượt quá thẩm quyền… và các quy định khác về thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ mở, quỹ bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục...  - Vi phạm quy định về nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư; công tác lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác...  - Quy định về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 03 năm gần nhất | Phần trăm (%) |

**II. Thông tin về hệ thống quản trị rủi ro**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục** | **Kết quả** |
| 1 | *Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu* |  |
| Thành viên phụ trách về quản trị rủi ro và các thành viên của tiểu ban quản trị rủi ro (nếu có): | Tên, chức vụ, thông tin chi tiết về loại chứng chỉ quản trị rủi ro *(xem ghi chú 3),* số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý rủi ro bao gồm thời gian làm việc, vị trí công tác, trách nhiệm, kết quả thực hiện (thành tích, vi phạm nếu có) |
| Các thời điểm thẩm định, phê duyệt chiến lược, chính sách và công tác quản trị rủi ro trong kỳ | Lần 1: Ngày.../tháng.../năm ...  Lần 2: Ngày.../tháng.../năm ...  … |
| 2 | *Ban điều hành* |  |
| Tên, chức vụ thành viên phụ trách về quản trị rủi ro; kinh nghiệm về quản trị rủi ro của thành viên phụ trách về quản trị rủi ro | Tên, chức vụ, thông tin chi tiết về loại chứng chỉ quản trị rủi ro *(xem ghi chú 3)*, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý rủi ro (số năm làm việc, vị trí công tác), trách nhiệm, kết quả thực hiện (thành tích, vi phạm) |
| Các thời điểm rà soát, đánh giá chiến lược, chính sách và công tác quản trị rủi ro trong kỳ | Lần 1:Ngày.../tháng.../năm ...  Lần 2: Ngày.../tháng.../năm ...  …. |
| 3 | *Chiến lược, chính sách quản trị rủi ro* |  |
| Chiến lược, chính sách quản trị rủi ro trong công ty | Gửi kèm |
| Khẩu vị rủi ro của công ty và giới hạn rủi ro | Gửi kèm |
| Quy trình quản lý rủi ro áp dụng trong công ty | Gửi kèm |
|  | Các thời điểm rà soát, cập nhật, phê duyệt chiến lược, chính sách, quy trình quản lý rủi ro trong kỳ | Lần 1: Ngày.../tháng.../năm …  Lần 2: Ngày.../tháng.../năm ...  …. |
| 4 | *Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản trị rủi ro* |  |
| Hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ công tác quản trị rủi ro | Mô tả sơ bộ (tên phần mềm, nhà sản xuất, các loại rủi ro có thể quản lý/kiểm soát....) |
| 5 | *Tổ chức nhân sự quản trị rủi ro* |  |
| Cơ Cấu tổ chức, nhân sự của bộ phận quản trị rủi ro (nếu có) | Danh sách, tên, chức năng nhiệm vụ liên quan tới công tác quản trị rủi ro, loại chứng chỉ quản lý rủi ro (nếu có), số năm kinh nghiệm trong công tác quản trị rủi ro bao gồm thời gian làm việc, vị trí công tác, trách nhiệm, kết quả thực hiện (thành tích, vi phạm nếu có) |
| Danh sách cán bộ quản trị rủi ro kiêm nhiệm | Danh sách, tên, chức năng nhiệm vụ chính và chức năng nhiệm vụ kiêm nhiệm liên quan tới công tác quản trị rủi ro, loại chứng chỉ quản lý rủi ro (nếu có), số năm kinh nghiệm trong công tác quản trị rủi ro bao gồm thời gian làm việc, vị trí công tác, trách nhiệm, kết quả thực hiện (thành tích, vi phạm nếu có) |
| Tỷ lệ số cán bộ quản trị rủi ro kiêm nhiệm hoặc chuyên trách trên tổng số cán bộ nghiệp vụ của từng bộ phận và của cả công ty | Tỷ lệ |
| Các phát hiện trong kỳ báo cáo của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan đến tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro chưa tốt, chưa phù hợp với hoạt động đầu tư và kinh doanh thực tế của công ty | Liệt kê, nêu rõ hướng xử lý, tình hình khắc phục và kiến nghị của công ty |
| 6 | *Phổ biến, tập huấn, đào tạo, và báo cáo về quản trị rủi ro* |  |
| Thông tin về các đợt phổ biến, tập huấn, đào tạo về công tác quản trị rủi ro tại công ty thực hiện trong kỳ báo cáo | Liệt kê thời điểm thực hiện, người thực hiện, nội dung và tài liệu đính kèm |
| Báo cáo UBCKNN về công tác quản trị rủi ro | Liệt kê thời điểm báo cáo/nội dung báo cáo |
| 7 | *Quản trị rủi ro cho các danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác* |  |
| Phối hợp với khách hàng ủy thác xây dựng chiến lược, chính sách, quy trình quản lý rủi ro cho các danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác | Gửi kèm chiến lược, chính sách, quy trình quản lý rủi ro cho quỹ, danh mục; Liệt kê thời điểm họp, trao đổi, cập nhật các thông tin với khách hàng ủy thác |
| Các thời điểm rà soát, cập nhật các chính sách, quy trình quản lý rủi ro | Lần 1: Ngày.../tháng.../năm ...  Lần 2: Ngày.../tháng.../năm ...  …. |
|  | Thực hiện công tác quản trị rủi ro hàng ngày | Liệt kê các hoạt động quản trị rủi ro chính đã thực hiện trong kỳ cho từng danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác |
| 8 | *Công tác giám sát tuân thủ* |  |
| Các thời điểm bộ phận kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu quả công tác quản trị rủi ro | Lần 1: Ngày.../tháng.../năm ...  Lần 2: Ngày.../tháng.../năm ...  …. |
| Phát hiện của bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro liên quan tới:  - Vi phạm trong công tác quản trị rủi ro cho hoạt động kinh doanh của công ty (vi phạm chính sách, khẩu vị rủi ro, giới hạn rủi ro, quy trình quản lý rủi ro...)  - Vi phạm trong công tác quản trị rủi ro cho các quỹ và danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác (vi phạm chính sách, khẩu vị rủi ro, giới hạn rủi ro, quy trình quản lý rủi ro...) | Số lần, liệt kê |

**III. Các chỉ tiêu báo cáo định lượng**

1. Tổng các khoản phải thu quá hạn, kể cả các khoản phải thu quá hạn đã tái tục (đầu kỳ và cuối kỳ).

2. Tổng giá trị đầu tư ngắn hạn sau điều chỉnh rủi ro *(đầu kỳ và cuối kỳ, xem ghi chú 4).*

3. Lợi nhuận đã phân phối từng năm kể từ năm thành lập đến năm hiện tại.

4. Tỷ suất lợi nhuận theo trọng số thời gian (TWR và twr, *xem ghi chú 5*), giá trị tài sản ròng (NAV) của từng danh mục đầu tư, quỹ mở quản lý chủ động.

5. Tỷ suất lợi nhuận theo trọng số giá trị (MWR và mwr, *xem ghi chú 6*), giá trị tài sản ròng (NAV) của từng quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán quản lý chủ động.

6. Độ lệch chuẩn hoặc tracking error (TE) và giá trị tài sản dòng (NAV) của các quỹ quản lý thụ động.

**IV. Các tài liệu kèm theo**

1. Chiến lược, chính sách quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro, quy trình quản lý rủi ro của công ty.

2. Các quy chế nội bộ hoặc các bản mô tả sơ bộ tại mục I, II.

3. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Công ty xin cam đoan về tính chính xác và đầy đủ của báo cáo trên đây và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với tính chính xác và đầy đủ của báo cáo.

Ghi chú:

*1. Chỉ phải gửi các tài liệu có thay đổi so với kỳ báo cáo trước và nêu rõ các tài liệu không thay đổi.*

*2. Trong các báo cáo bán niên, các chỉ tiêu thay đổi nhân sự cấp cao và tăng trưởng doanh thu trung bình trong ba (03) năm gần nhất được hiểu là trong hai năm trước gần nhất và sáu tháng đầu năm hiện tại.*

*3. Một số ví dụ về chứng chỉ quản trị rủi ro: FRM- Financial Risk Manager - do GARP cấp, FRM - Professional Risk Manager - do PRMIA cấp, hoặc các chứng chỉ phù hợp khác theo quy định của công ty.*

*4. Giá trị đầu tư ngắn hạn sau điều chỉnh rủi ro https://bachkhoaluat.vn/Files/ThuVienPhapLuat/30982/563_99_2020_TT-BTC_VN_BKL_TVPL22961_files/image002.gif, trong đó MVi là giá trị thị trường (giá trị hợp lý) của tài sản đầu tư ngắn hạn i; Rski là tổng các giá trị rủi ro tiềm ẩn trong hạng mục đầu tư i, bao gồm giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và rủi ro tập trung của hạng mục đầu tư này. Việc xác lập các giá trị rủi ro được tính toán theo quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính đối với công ty quản lý quỹ. Cần lưu ý, đối với tài sản đầu tư là trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các hợp đồng Repo/Reverse Repo, các khoản phải thu thì phải tính đồng thời cả rủi ro thị trường và rủi ro thanh toán.*

*5. TWR (Time-Weighted Return) là tỷ suất lợi nhuận theo trọng số thời gian.*

*TWRkỳ báo cáo =*(1 + *R*1) x (1 + *R*2) x … x (1 + *R*n) - 1

*trong đó Ri là tỷ suất lợi nhuận tại các thời điểm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, thời điểm tiếp nhận/thanh toán cho khách hàng ủy thác. Sử dụng tỷ suất lợi nhuận theo hàm logarit (log return) theo công thức:*

*twr = ln*(1 + *TWR*) = *log*e( 1 + *TWR*)

*Khi đó: twrkỳ báo cáo = twr*1*+ twr*2*+ ··· + twr*n

*6. MWR (Money-Weighted Return) là tỷ suất lợi nhuận theo trọng số giá trị. Sử dụng phương pháp tính gần đúng Dietz để xác định MWR, sau đó tính tỷ suất lợi nhuận theo hàm logarit theo công thức:*

*mwr = ln*(1 + *MWR*) = *log*e(1 + *MWR*)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** *- Như trên; - …………; - Lưu:* | **TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ** *(Kỹ, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |